

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12, NĂM HỌC 2026-2027

Từ ngày 15 tháng 8 năm 2026

STT	Lớp	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	12B1	Hà Văn Bằng	54498856	21/12/2009	Nam	Thái		
2	12B1	Lã Thanh Bình	54498857	11/3/2009	Nam	Kinh		
3	12B1	Hoàng Diệp Bảo Chi	54498858	26/02/2009	Nữ	Kinh		
4	12B1	Lê Thị Duyên	54498860	28/11/2009	Nữ	Kinh		
5	12B1	Lý Thế Dương	54499087	10/11/2009	Nam	Dao		
6	12B1	Lê Thị Trà Giang	54498861	24/9/2009	Nữ	Kinh		
7	12B1	Vi Thị Thu Hiền	54498862	22/3/2009	Nữ	Tày		
8	12B1	Bàn Văn Hiếu	54498864	22/4/2009	Nam	Dao		
9	12B1	Vương Chí Hiếu	54498865	07/6/2009	Nam	Nùng		
10	12B1	Đặng Việt Hoàng	54498866	27/8/2009	Nam	Kinh		
11	12B1	Nguyễn Thị Huệ	54498867	30/3/2009	Nữ	Kinh		
12	12B1	Phan Văn Hùng	54499132	16/02/2009	Nam	Kinh		
13	12B1	Trương Xuân Huy	54498868	23/01/2009	Nam	Kinh		
14	12B1	Trần Thị Thúy Hương	54498869	28/11/2009	Nữ	Tày		
15	12B1	Vương Duy Khánh	54499095	30/10/2009	Nam	Kinh		
16	12B1	Đinh Đại Khôi	54498872	13/01/2009	Nam	Nùng		
17	12B1	Giang Công Tuấn Kiệt	54498871	17/5/2009	Nam	Kinh		
18	12B1	Vũ Tuấn Kiệt	54498870	28/8/2009	Nam	Kinh		
19	12B1	Bùi Thị Thùy Linh	54498873	15/11/2009	Nữ	Kinh		
20	12B1	Thạch Yến Mi	54012736	16/3/2009	Nữ	Kinh		
21	12B1	Trương Thị Thảo My	54498875	17/9/2009	Nữ	Nùng		
22	12B1	Bàn Hương Na	54498876	13/01/2009	Nữ	Dao		
23	12B1	Trương Thị Thúy Nga	54498877	18/5/2009	Nữ	Dao		
24	12B1	Bùi Vũ Đăng Nguyên	54498880	11/5/2009	Nam	Kinh		
25	12B1	Hoàng Sỹ An Nguyên	54498878	01/11/2009	Nam	Kinh		
26	12B1	Thái Công Nguyên	54498879	05/10/2009	Nam	Kinh		
27	12B1	Phạm Thị Yến Nhi	54498881	22/10/2009	Nữ	Kinh		
28	12B1	Hoàng Đàm Thị Nhung	54498882	24/5/2009	Nữ	Nùng		
29	12B1	Trương Thị Hà Như	54498884	02/5/2009	Nữ	Kinh		
30	12B1	Vòng Nguyệt Như	54498883	25/12/2009	Nữ	Dao		
31	12B1	Nguyễn Như Quỳnh	54498885	03/4/2009	Nữ	Kinh		
32	12B1	Đặng Ngọc Thành	54498887	02/02/2009	Nam	Nùng		
33	12B1	Đỗ Phùng Anh Thư	54498888	11/12/2009	Nữ	Kinh		
34	12B1	Phạm Trần Hoài Thương	54499118	22/10/2009	Nữ	Kinh		
35	12B1	Vàng Thị Trang	54499240	08/7/2009	Nữ	HMông		
36	12B1	Nông Thị Ngọc Trâm	54498889	05/5/2009	Nữ	Nùng		
37	12B1	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	54498890	18/12/2009	Nữ	Kinh		
38	12B1	Trần Thị Tuyết	54498886	27/5/2009	Nữ	Kinh		
39	12B1	Đặng Thị Tổ Uyên	54498892	15/8/2009	Nữ	Kinh		
40	12B1	Nguyễn Thị Tân Uyên	54498891	12/9/2009	Nữ	Kinh		
41	12B1	Hoàng Sầm Hạo Văn	54498893	26/3/2009	Nam	Nùng		

STT	Lớp	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
42	12B1	Hồ Kim Vân	54498894	09/10/2009	Nữ	Dao		
43	12B1	Lý Văn Vinh	54499123	23/01/2009	Nam	Nùng		
44	12B1	Đỗ Tường Vy	54498896	26/12/2009	Nữ	Kinh		
1	12B2	Lục Hoàng Anh	54498898	17/3/2009	Nam	Nùng		
2	12B2	Nguyễn Thị Hà Anh	54498899	17/8/2009	Nữ	Kinh		
3	12B2	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	54498900	19/8/2009	Nữ	Kinh		
4	12B2	Nguyễn Hồng Ân	54498901	08/7/2009	Nữ	Kinh		
5	12B2	Mạch Trần Thị Băng Băng	54498902	15/9/2009	Nữ	Kinh		
6	12B2	Nông Đức Chiến	54498904	03/5/2009	Nam	Nùng		
7	12B2	Đặng Hữu Cường	54498903	06/10/2009	Nam	Nùng		
8	12B2	Hoàng Thị Diệp	54498905	19/11/2009	Nữ	Nùng		
9	12B2	Đặng Quốc Dũng	54498907	15/7/2009	Nam	Kinh		
10	12B2	Lê Minh Dũng	54498906	01/3/2009	Nam	Kinh		
11	12B2	Tô Ngọc Lê Duy	54498908	01/5/2009	Nam	Nùng		
12	12B2	Nguyễn Thị Hồng Hà	54498909	02/9/2009	Nữ	Kinh		
13	12B2	Hồ Hoàng Hải	54498910	03/8/2009	Nam	Kinh		
14	12B2	Trần Thái Hậu	54498911	02/5/2009	Nam	Nùng		
15	12B2	Đặng Thị Thu Hoài	54498912	01/12/2009	Nữ	Nùng		
16	12B2	Nguyễn Tuấn Hùng	54498913	20/01/2009	Nam	Kinh		
17	12B2	Ngô Gia Huy	54498914	10/9/2009	Nam	Kinh		
18	12B2	Nguyễn Tuấn Hưng	54498915	28/12/2009	Nam	Kinh		
19	12B2	Cao Thị Tâm Lan	54498916	22/9/2009	Nữ	Kinh		
20	12B2	Đặng Trúc Linh	54498918	03/7/2009	Nữ	Kinh		
21	12B2	Hoàng Diệu Linh	54498919	04/10/2009	Nữ	Kinh		
22	12B2	Trần Mai Linh	54498917	20/3/2009	Nữ	Kinh		
23	12B2	Lý Thị Mỹ Ly	54498920	15/4/2009	Nữ	Nùng		
24	12B2	Bàn Thị Nguyệt	54498921	13/11/2009	Nữ	Dao		
25	12B2	Nguyễn Đức Nhân	54498922	18/12/2009	Nam	Kinh		
26	12B2	Hoàng Thị Kiều Như	54498923	26/11/2009	Nữ	Nùng		
27	12B2	Nông La Gia Như	54498924	26/01/2009	Nữ	Nùng		
28	12B2	Trương Thị Kim Oanh	54498925	28/02/2009	Nữ	Dao		
29	12B2	Nông Văn Phóng	54498926	27/02/2009	Nam	Nùng		
30	12B2	Lê Đình Phú	54498927	26/02/2009	Nam	Kinh		
31	12B2	Vũ Hoài Sơn	54498928	26/01/2009	Nam	Kinh		
32	12B2	Phạm Nông Nhật Tâm	54498929	25/11/2009	Nam	Kinh		
33	12B2	Nguyễn Thành Thái	54498931	03/01/2009	Nam	Kinh		
34	12B2	Dương Thị Thanh	54498932	02/12/2009	Nữ	Kinh		
35	12B2	Hà Văn Thanh	54498933	09/9/2009	Nam	Thái		
36	12B2	Phạm Thanh Thảo	54498934	23/5/2009	Nữ	Dao		
37	12B2	Hà Đức Thiện	54498935	29/3/2009	Nam	Tày		
38	12B2	Cam Thị Thu	54498936	25/8/2009	Nữ	Nùng		
39	12B2	Nguyễn Phạm Anh Thu	54498937	04/12/2009	Nữ	Kinh		
40	12B2	Trịnh Thị Anh Thu	54498938	01/6/2009	Nữ	Kinh		
41	12B2	Nguyễn Văn Thúc	54499159	30/7/2009	Nam	Kinh		
42	12B2	Nông Thủy Tiên	54498930	26/01/2009	Nữ	Nùng		
43	12B2	Hoàng Kiều Trang	54498939	14/01/2009	Nữ	Tày		
44	12B2	Phạm Thế Vinh	54498940	25/10/2009	Nam	Kinh		
45	12B2	Hà Phát Vũ	54498941	06/3/2009	Nam	Tày		
46	12B2	Nguyễn Ngọc Xuân	54498942	11/01/2009	Nữ	Kinh		

STT	Lớp	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	12B3	Nguyễn Đăng Bảo	54498943	16/8/2009	Nam	Kinh		
2	12B3	Bùi Thị Bé	54498944	23/6/2009	Nữ	Kinh		
3	12B3	Phạm Vũ Dũng	54498945	11/02/2009	Nam	Kinh		
4	12B3	Trương Thị Thùy Dương	66000772-00-2184	21/3/2009	Nữ	Kinh		
5	12B3	Lê Thành Đạt	54498946	16/6/2009	Nam	Kinh		
6	12B3	Trần Hải Đăng	54499040	07/3/2009	Nam	Dao		
7	12B3	Vũ Thị Hồng Giang	54498947	13/02/2009	Nữ	Kinh		
8	12B3	Trần Thị Thu Hà	54498948	02/02/2009	Nữ	Kinh		
9	12B3	Trương Thị Hiền	54498950	06/02/2009	Nữ	Mường		
10	12B3	Lê Thị Thanh Hoa	54498951	05/8/2009	Nữ	Kinh		
11	12B3	Phạm Thị Hoa	54498952	09/02/2009	Nữ	Kinh		
12	12B3	Trần Đức Hòa	54498953	17/12/2009	Nam	Dao		
13	12B3	Lương Ngân Hải Hoàn	54498954	21/9/2009	Nam	Thái		
14	12B3	Lò Thị Khánh Huyền	54498956	17/7/2009	Nữ	Thái		
15	12B3	Mó Bích Lan	54499241	14/7/2009	Nữ	Bru Vân Kiều		
16	12B3	Đàm Phương Linh	54498958	12/4/2009	Nữ	Kinh		
17	12B3	Đinh Hoàng Thủy Linh	54498960	16/8/2009	Nữ	Kinh		
18	12B3	Trần Mỹ Linh	54498959	30/01/2009	Nữ	Dao		
19	12B3	Võ Thanh Long	52017286	02/7/2008	Nam	Kinh		
20	12B3	Hà Văn Lộc	54498961	07/3/2009	Nam	Mường		
21	12B3	Hà Thị Khánh Ly	54498962	20/11/2009	Nữ	Thái		
22	12B3	Nguyễn Văn Duy Mạnh	54498963	16/4/2009	Nam	Kinh		
23	12B3	Ngô Trí Nam	54498966	24/12/2009	Nam	Kinh		
24	12B3	Võ Nhật Nam	54498965	03/5/2009	Nam	Kinh		
25	12B3	Mai Nguyễn Ngọc Nga	54498967	08/02/2009	Nữ	Kinh		
26	12B3	Vũ Hải Ngọc	54499057	01/10/2009	Nữ	Kinh		
27	12B3	Bùi Thị Yên Nhi	54498970	20/01/2009	Nữ	Kinh		
28	12B3	Trương Văn Phong	54498973	17/7/2009	Nam	Dao		
29	12B3	Hồ Văn Phúc	54498975	23/10/2009	Nam	Kinh		
30	12B3	Hoàng Nguyễn Duy Quang	54498976	08/7/2009	Nam	Tày		
31	12B3	Bàn Xuân Quỳnh	54498977	14/4/2009	Nam	Dao		
32	12B3	Chu Bình Tân	54498978	17/5/2009	Nam	Kinh		
33	12B3	Đỗ Thị Ngọc Thoa	54498980	17/6/2009	Nữ	Kinh		
34	12B3	Lê Anh Thư	54498981	30/9/2009	Nữ	Kinh		
35	12B3	Nguyễn Trịnh Minh Thư	54498982	06/6/2009	Nữ	Kinh		
36	12B3	Nguyễn Thị Hoài Thương	54498983	29/8/2009	Nữ	Kinh		
37	12B3	Trần Thị Ngọc Trâm	54498984	12/3/2009	Nữ	Kinh		
38	12B3	Lê Thị Thanh Trân	54498985	11/7/2009	Nữ	Kinh		
39	12B3	Đào Trần Triệu Vy	54498986	06/02/2009	Nữ	Kinh		
1	12B4	H - Tuyết Niê	54499242	09/11/2009	Nữ	Ê Đê		
2	12B4	Phạm Thị Ánh Bạch	54498987	30/7/2009	Nữ	Kinh		
3	12B4	Nguy Văn Chuyên	54498989	03/3/2009	Nam	Tày		
4	12B4	Trương Xuân Cường	54498988	20/10/2009	Nam	Kinh		
5	12B4	Hà Thị Ngọc Diệu	54498990	29/10/2009	Nữ	Mường		
6	12B4	Phạm Nguyễn Khánh Duy	54498991	04/01/2009	Nam	Kinh		
7	12B4	Hoàng Thị Thùy Dương	54498992	19/8/2009	Nữ	Kinh		
8	12B4	Mai Đức Đạt	54498993	15/7/2008	Nam	Kinh		
9	12B4	Nguyễn Văn Hải Đăng	54498994	07/8/2009	Nam	Kinh		
10	12B4	Nông Văn Đôn	54498995	29/8/2009	Nam	Nùng		

STT	Lớp	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
11	12B4	Nguyễn Văn Đức	54498997	17/02/2009	Nam	Kinh		
12	12B4	Nguyễn Hoàng Hải	54498998	15/12/2009	Nam	Kinh		
13	12B4	Nguyễn Thúy Hằng	54498999	07/7/2009	Nữ	Kinh		
14	12B4	Trần Gia Hân	54499000	23/4/2009	Nữ	Kinh		
15	12B4	Lê Hoàng Trung Hiếu	54499001	12/3/2009	Nam	Kinh		
16	12B4	Vì Văn Hiếu	54499002	11/10/2009	Nam	Dao		
17	12B4	Nguyễn Đức Huy	54499003	25/6/2009	Nam	Kinh		
18	12B4	Trần Bảo Lâm	54499004	10/6/2009	Nam	Kinh		
19	12B4	Hà Thị Phương Linh	54499005	23/02/2009	Nữ	Tày		
20	12B4	Lương Thị Ngọc Loan	54499006	05/01/2009	Nữ	Nùng		
21	12B4	Trịnh Thị Lộc	54499050	06/4/2009	Nữ	Kinh		
22	12B4	Nguyễn Cẩm Ly	54499007	15/10/2009	Nữ	Kinh		
23	12B4	Trần Phan Triệu Mẫn	54499008	24/8/2009	Nữ	Kinh		
24	12B4	Lộc Bảo Minh	54499009	17/7/2009	Nam	Mường		
25	12B4	Nguyễn Thị Trà My	54499010	26/3/2009	Nữ	Kinh		
26	12B4	Lê Thị Na	54499011	30/7/2009	Nữ	Kinh		
27	12B4	Dương Thanh Ngoan	54499012	27/02/2009	Nữ	Tày		
28	12B4	Bàn Thị Như Ngọc	54499013	20/9/2009	Nữ	Dao		
29	12B4	Hồ Thị Hồng Ngọc	54499014	26/6/2009	Nữ	Kinh		
30	12B4	Lâm Thành Trung Nguyên	54499015	25/6/2009	Nam	Nùng		
31	12B4	Nguyễn Minh Nhật	54499016	23/01/2009	Nam	Tày		
32	12B4	Phạm Yến Nhi	54499017	04/01/2009	Nữ	Kinh		
33	12B4	Nguyễn Thị Nhung	54499018	28/6/2009	Nữ	Kinh		
34	12B4	Lê Thị Tổ Như	54498972	08/02/2009	Nữ	Kinh		
35	12B4	Lê Trần Gia Như	54499019	24/02/2009	Nữ	Kinh		
36	12B4	Vương Hà Phương	54499020	23/3/2009	Nữ	Kinh		
37	12B4	Trương Hoàng Bách San	54499021	05/8/2009	Nam	Nùng		
38	12B4	Lê Thị Minh Thi	54499023	26/01/2009	Nữ	Kinh		
39	12B4	Nguyễn Đặng Hiếu Thiên	54499024	15/9/2009	Nam	Kinh		
40	12B4	Phan Nguyễn Anh Thư	54499025	22/10/2009	Nữ	Kinh		
41	12B4	Phạm Thị Quỳnh Trâm	54499028	07/11/2009	Nữ	Kinh		
42	12B4	Mai Trọng Trung	54499029	08/12/2009	Nam	Kinh		
43	12B4	Nông Đức Tuyền	54499022	23/7/2009	Nam	Nùng		
44	12B4	Phạm Nguyễn Mỹ Uyên	54499030	28/12/2009	Nữ	Kinh		
45	12B4	Nông Thị Xuân	54499031	29/8/2009	Nữ	Dao		
46	12B4	Bùi Thị Xuyến	54499032	18/5/2009	Nữ	Mường		
1	12B5	Nguyễn Thị Kim Anh	54499034	08/6/2009	Nữ	Tày		
2	12B5	Nguyễn Trần Hoàng Anh	54499035	19/11/2009	Nữ	Kinh		
3	12B5	Trần Hoài Anh	54499033	20/6/2009	Nữ	Kinh		
4	12B5	Lê Minh Ân	54499036	09/9/2009	Nam	Kinh		
5	12B5	Nguyễn Đình Thành Công	54499037	28/3/2009	Nam	Kinh		
6	12B5	Lê Văn Duy	54499038	16/9/2009	Nam	Kinh		
7	12B5	Trần Lê Bảo Duy	54499039	18/5/2009	Nam	Kinh		
8	12B5	Đỗ Ngọc Hà	54499089	04/10/2009	Nữ	Kinh		
9	12B5	Hà Phát Hiếu	54499042	24/02/2009	Nam	Tày		
10	12B5	Ngô Thị Hoa	54499043	22/8/2009	Nữ	Kinh		
11	12B5	Nông Thị Thu Hoài	54499044	10/10/2009	Nữ	Nùng		
12	12B5	Hà Phát Khánh	54499045	20/6/2009	Nam	Tày		
13	12B5	Triệu Văn Khương	54499046	28/11/2009	Nam	Dao		

STT	Lớp	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
14	12B5	Đặng Thị Như Lê	54499047	02/7/2009	Nữ	Dao		
15	12B5	Lê Thị Thùy Linh	54499048	23/9/2009	Nữ	Kinh		
16	12B5	Trần Ngọc Long	54499049	25/02/2009	Nam	Kinh		
17	12B5	Lê Đình Lương	54499051	25/7/2009	Nam	Kinh		
18	12B5	La Thị Miên	54499052	20/6/2009	Nữ	Nùng		
19	12B5	Trần Ngọc Mong	54499054	10/01/2009	Nam	Kinh		
20	12B5	Nông Thị Trà My	54499055	03/8/2009	Nữ	Tày		
21	12B5	Phạm Thị Thảo My	54499056	27/02/2009	Nữ	Kinh		
22	12B5	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	54499058	06/11/2009	Nữ	Kinh		
23	12B5	Nguyễn Hà Bảo Nhi	54499059	04/6/2009	Nữ	Kinh		
24	12B5	Vì Thị Hồng Nhung	54499060	18/5/2009	Nữ	Kinh		
25	12B5	Lý Thị Quỳnh Như	54499061	16/12/2009	Nữ	Tày		
26	12B5	Triệu Thị Kiều Oanh	54499062	15/5/2009	Nữ	Dao		
27	12B5	Lý Thập Phục	54499063	23/9/2009	Nam	Dao		
28	12B5	Quách Nguyễn Sang	54499064	27/3/2009	Nam	Mường		
29	12B5	Nguyễn Dạ Thảo	54499066	29/3/2009	Nữ	Kinh		
30	12B5	Nguyễn Phương Thảo	66000772-00-2185	21/5/2009	Nữ	Kinh		
31	12B5	Phan Thị Thanh Thảo	54499067	08/02/2009	Nữ	Kinh		
32	12B5	Trần Xuân Thảo	54499068	23/8/2009	Nam	Kinh		
33	12B5	Hà Tiểu Thiên	54499069	03/7/2009	Nam	Mường		
34	12B5	Lương Ngọc Thọ	54499070	06/9/2009	Nam	Nùng		
35	12B5	Vũ Thị Thu	54499071	02/5/2008	Nữ	Kinh		
36	12B5	Lê Phương Thúy	54499072	21/11/2009	Nữ	Kinh		
37	12B5	Hà Thị Huyền Trang	54499075	08/8/2009	Nữ	Thái		
38	12B5	Nguyễn Thị Huyền Trang	54499074	29/10/2009	Nữ	Tày		
39	12B5	Thắm Anh Tuấn	54499065	27/01/2009	Nam	Tày		
40	12B5	Phan Như Ý	54499077	18/8/2008	Nữ	Kinh		
41	12B5	Lê Thị Hải Yến	54499078	26/5/2009	Nữ	Kinh		
1	12B6	Nguyễn Văn An	54499079	21/02/2009	Nam	Kinh		
2	12B6	Nguyễn Quốc Anh	54499080	09/9/2009	Nam	Kinh		
3	12B6	Bùi Gia Bảo	54499082	08/5/2009	Nam	Kinh		
4	12B6	Phan Gia Bảo	54499081	14/4/2009	Nam	Kinh		
5	12B6	Đặng Tiểu Bình	54499083	30/4/2009	Nam	Kinh		
6	12B6	Đỗ Thế Chính	54499084	29/5/2009	Nam	Kinh		
7	12B6	Lê Anh Dũng	54499086	09/02/2009	Nam	Kinh		
8	12B6	Lưu Việt Dũng	54499085	10/11/2009	Nam	Nùng		
9	12B6	Nguyễn Xuân Đông	54499088	20/3/2009	Nam	Kinh		
10	12B6	Lã Thị Mỹ Hạnh	54499090	04/3/2009	Nữ	Kinh		
11	12B6	Trần Phan Thuý Hằng	54499091	17/5/2009	Nữ	Kinh		
12	12B6	Lê Thị Thu Hiền	54499092	16/6/2009	Nữ	Kinh		
13	12B6	Mai Quốc Huy	54499094	02/02/2009	Nam	Kinh		
14	12B6	Vũ Trần Gia Huy	54499093	04/7/2009	Nam	Kinh		
15	12B6	Nguyễn Duy Khánh	54499096	15/10/2009	Nam	Kinh		
16	12B6	Vũ Xuân Khôi	54499097	02/7/2009	Nam	Kinh		
17	12B6	Bùi Huy Lam	54499098	30/01/2009	Nam	Kinh		
18	12B6	Phan Thị Thùy Lam	54499099	19/11/2009	Nữ	Kinh		
19	12B6	Dương Ngọc Lan	54499100	14/6/2009	Nữ	Kinh		
20	12B6	Trần Thị Phương Linh	54499101	07/9/2009	Nữ	Kinh		
21	12B6	Phan Thị Ngọc Mai	54499102	02/3/2009	Nữ	Kinh		

STT	Lớp	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
22	12B6	Nguyễn Thị My	54499103	27/7/2009	Nữ	Kinh		
23	12B6	Nguyễn Thị Trà My	54499104	18/11/2009	Nữ	Kinh		
24	12B6	Đỗ Thị Bích Ngọc	54499107	05/7/2009	Nữ	Kinh		
25	12B6	Ngô Phạm Khánh Ngọc	54499106	07/4/2009	Nữ	Kinh		
26	12B6	Phạm Lê Khôi Nguyên	54499108	17/02/2009	Nam	Kinh		
27	12B6	Lương Như Nguyệt	54499109	15/8/2007	Nữ	Mường		
28	12B6	Phan Văn Nhân	54499110	14/10/2009	Nam	Kinh		
29	12B6	Trần Thiện Nhân	54499111	22/8/2009	Nam	Kinh		
30	12B6	Đặng Thị Thuý Nhi	54499112	20/5/2009	Nữ	Dao		
31	12B6	Nguyễn Thái Tân	54499113	07/3/2009	Nam	Kinh		
32	12B6	Nguyễn Văn Thanh	54499115	14/3/2009	Nam	Kinh		
33	12B6	Phạm Đức Thành	54499116	14/02/2009	Nam	Kinh		
34	12B6	Lê Đức Thịnh	54499117	14/02/2009	Nam	Kinh		
35	12B6	Nguyễn Thị Bảo Thy	54499073	16/9/2009	Nữ	Kinh		
36	12B6	Phạm Chí Toàn	54499114	25/01/2009	Nam	Thái		
37	12B6	Nguyễn Thị Cẩm Trinh	54499119	26/4/2009	Nữ	Kinh		
38	12B6	Hoàng Văn Trung	54499120	30/12/2009	Nam	Kinh		
39	12B6	Nguyễn Thị Thảo Uyên	54499121	21/4/2009	Nữ	Kinh		
40	12B6	Nguyễn Đỗ Thùy Vi	54499122	22/12/2009	Nữ	Kinh		
41	12B6	Trần Văn Vũ	54499124	27/02/2009	Nam	Kinh		
42	12B6	Trần Khánh Vy	54499125	17/7/2009	Nữ	Kinh		
1	12B7	Trần Thị Ngọc Ánh	54499126	17/11/2009	Nữ	Kinh		
2	12B7	Hoàng Thiên Bảo	54499127	18/02/2009	Nam	Nùng		
3	12B7	Nguyễn Phạm Gia Bảo	54499128	06/9/2009	Nam	Kinh		
4	12B7	Nguyễn Trần Gia Bảo	54499129	19/9/2009	Nam	Kinh		
5	12B7	Lê Văn Quốc Dũng	54498859	26/9/2009	Nam	Kinh		
6	12B7	Mai Trọng Hoàng	54499130	02/4/2009	Nam	Kinh		
7	12B7	Hà Thị Khánh Huyền	54499133	14/10/2009	Nữ	Kinh		
8	12B7	Mã Gia Hưng	54499134	01/6/2009	Nam	Nùng		
9	12B7	Nguyễn Lê Khang	54499135	15/7/2009	Nam	Kinh		
10	12B7	Dương Nhật Khánh	54499136	02/9/2009	Nữ	Kinh		
11	12B7	Vũ Anh Khoa	54499137	05/01/2009	Nam	Kinh		
12	12B7	Vũ Đăng Khôi	54499138	08/5/2009	Nam	Kinh		
13	12B7	Phạm Trần Tùng Lâm	54499139	09/10/2009	Nam	Kinh		
14	12B7	Đinh Thị Dương Liễu	54499140	19/8/2009	Nữ	Tày		
15	12B7	Đào Thị Ngọc Linh	54499141	12/9/2009	Nữ	Kinh		
16	12B7	Vũ Cao Mạnh	54499142	13/6/2009	Nam	Kinh		
17	12B7	Lê Thị Thanh Minh	54498874	19/7/2009	Nữ	Kinh		
18	12B7	Nguyễn Công Minh	54499143	27/3/2009	Nam	Kinh		
19	12B7	Nông Thị Trà My	54499144	09/4/2009	Nữ	Tày		
20	12B7	Lương Nhật Nam	55401147	28/3/2009	Nam	Kinh		
21	12B7	Trần Thanh Nam	54499105	15/02/2009	Nam	Kinh		
22	12B7	Đồng Kim Ngân	54499145	25/11/2009	Nữ	Kinh		
23	12B7	Nguyễn Thiện Nhân	54499147	29/11/2009	Nam	Kinh		
24	12B7	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	54499148	27/8/2009	Nữ	Kinh		
25	12B7	Hoàng Quỳnh Như	54499149	13/7/2009	Nữ	Kinh		
26	12B7	Trần Quách Hồng Như	54499150	06/01/2009	Nữ	Mường		
27	12B7	Thân Thị Kim Oanh	54499151	03/02/2009	Nữ	Kinh		
28	12B7	Lê Thị Thu Phương	54499152	30/5/2009	Nữ	Kinh		

STT	Lớp	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
29	12B7	Trần Thanh Phương	54499153	15/02/2009	Nam	Kinh		
30	12B7	Nguyễn Chiến Thắng	54499155	04/01/2009	Nam	Kinh		
31	12B7	Lê Văn Thiên	54499156	26/02/2009	Nam	Kinh		
32	12B7	Nguyễn Thị Lâm Thùy	54499157	21/7/2009	Nữ	Kinh		
33	12B7	Cao Mai Thư	54499158	19/4/2009	Nữ	Kinh		
34	12B7	Mai Thị Thanh Thương	54499160	02/01/2009	Nữ	Kinh		
35	12B7	Trịnh Trần Thủy Tiên	54499154	08/01/2009	Nữ	Kinh		
36	12B7	Trần Thị Kiều Trang	54499161	17/5/2009	Nữ	Kinh		
37	12B7	Hoàng Quang Vinh	54499162	02/01/2009	Nam	Kinh		
38	12B7	Lương Thành Huy Vũ	54499163	29/01/2009	Nam	Thái		
39	12B7	Trương Thảo Vy	54499164	04/01/2009	Nữ	Dao		
40	12B7	Đặng Thị Yến	54499166	08/3/2009	Nữ	Kinh		
41	12B7	Trần Thị Hải Yến	54499165	11/8/2009	Nữ	Kinh		

Ea Ô, ngày 22 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Dũng